TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN H** **TỈNH KIÊN G** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 28/2018/DSST
Ngày 31/7/2018
V/v "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN H, TỈNH KIÊN G

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Ngọc Ái**

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Đinh Khắc Việt**

Ông **Ngô Rô Be**

Thư ký phiên tòa: Ông **Danh Vũ** – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tân H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân H tham gia phiên toà: không tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2018/TLST-DS ngày 01/02/2018 về vụ kiện "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2018/QĐXXST-DS ngày 06/7/2018, quyết định hoãn phiên tòa số 14/2018/QĐST – DS ngày 19/7/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Phạm Thị Cẩm H**, sinh năm 1975 (*có mặt*).

Địa chỉ: ấp Kinh 9, thị trấn Tân H, huyện Tân H, tỉnh Kiên G.

2. *Bị đơn:* Chị **Võ Thị Thanh T**, sinh năm 1986 (*vắng mặt*).

Địa chỉ: số 38, Khu phố B, thị trấn Tân H, huyện Tân H, tỉnh Kiên G.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị Cẩm H trình bày:***

Nguyên trước đây chị Võ Thị Thanh T có vay tiền của chị H nhiều lần, lần thứ nhất là ngày 09/10/2016 vay số tiền là 10.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 5%/tháng, thời gian vay là 01 tháng, lần thứ hai là ngày 11/11/2016 vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi

suất thỏa thuận là 5%/tháng, thời gian vay là 15 ngày, đến ngày 22/12/2016 chị T tiếp tục vay thêm của chị H số tiền là 6.000.000 đồng, khi vay tiền thì chị T có làm biên nhận cho chị H, tổng cộng số tiền gốc chị T vay của chị H là 21.000.000 đồng, sau khi vay tiền chị T không trả số tiền gốc mà có đóng lãi cho chị H được 03 lần, lần đầu là 500.000 đồng, lần thứ hai là 750.000 đồng, lần thứ 3 là 1.050.000 đồng, tổng cộng số tiền lãi chị T đã đóng cho chị H là 2.300.000 đồng, khi đóng lãi thì không có làm giấy tờ gì. Mục đích chị T vay tiền của chị H là để mua đồ về buôn bán, khi đến hạn trả nợ chị H có nhiều lần yêu cầu chị T trả nợ nhưng chị T cứ hẹn mà không trả tiền gốc và cũng không đóng lãi cho chị H.

Nay tại phiên tòa chị H yêu cầu chị T trả cho chị H số tiền gốc còn thiếu là 21.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi và yêu cầu trả đủ một lần. Chị H chỉ yêu cầu chị T trả tiền, không yêu cầu người nào khác cùng có trách nhiệm trả tiền cho chị H.

Đối với bị đơn chị Võ Thị Thanh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị T không có ý kiến gì, cũng không có yêu cầu phản tố và vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị Võ Thị Thanh T với tư cách là bị đơn, vắng mặt tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng nhưng chị T vẫn cố tình vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Quan hệ pháp luật tranh chấp xảy ra giữa chị Phạm Thị Cẩm H và chị Võ Thị Thanh T là quan hệ "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Tại phiên tòa chị H thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện, chị H chỉ yêu cầu chị T trả số tiền gốc là 21.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật. Theo quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự thì đương sự có quyền quyết định việc khởi kiện và Tòa án chỉ thụ lý giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện. Trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự, đương sự có quyền thay đổi yêu cầu của mình. Việc thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện của chị H không vượt quá phạm vi đơn khởi kiện nên có cơ sở chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu của chị H yêu cầu chị T trả cho chị H số tiền gốc còn thiếu tổng cộng là 21.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình chị H đã cung cấp cho Tòa án biên nhận mượn tiền do chị T viết và ký tên, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị H xác nhận biên nhận ngày 09/10/2016 với nội dung chị T có vay của chị H số tiền là 10.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, thời gian vay là 1 tháng, biên nhận ngày 11/11/2016 với nội dung chị T có vay của chị H số tiền là 5.000.000 đồng, thời gian vay là 15 ngày, biên nhận ngày 22/12/2016 với nội dung chị T có vay của chị H số tiền là 6.000.000 đồng, tất cả 03 biên nhận nói trên đều do chị T viết và ký tên, trong quá trình vay tiền chị T không trả tiền gốc mà chỉ đóng lãi cho chị H 3 lần cụ thể vào ngày 11/11/2016 chị T trả cho chị H 500.000 đồng tiền lãi, ngày 22/12/2016 chị T trả cho chị H 750.000 đồng tiền lãi, ngày 25/01/2017 chị T trả cho chị H 1.050.000 đồng tiền lãi, tổng cộng số tiền lãi chị T đã trả cho chị H là 2.300.000 đồng, hiện nay chị T còn nợ của chị H số tiền gốc là 21.000.000 đồng, nên chị H yêu cầu chị T có nghĩa vụ trả cho chị H số tiền còn nợ. Xét thấy nội dung yêu cầu của chị H là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về phía chị T, trong suốt quá trình tố tụng mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và triệu tập hợp lệ nhưng chị T không tham dự và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện, chứng cứ do chị H cung cấp. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 buộc chị T có nghĩa vụ trả cho chị H số tiền gốc là 21.000.000 đồng.

Chị H không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Giá trị tài sản tranh chấp là: 21.000.000 đồng (*Hai mươi bốn triệu đồng*)

Án phí tính như sau: 21.000.000 đồng x 5% = 1.050.000 đồng (*Một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng*).

- Yêu cầu của chị H được chấp nhận nên chị Hằng không phải chịu tiền án phí. Trả lại cho chị Phạm Thị Cẩm H số tiền tạm ứng án phí là 525.000 đồng (*Năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) đã nộp theo lai thu số 0007813 ngày 01/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân H, tỉnh Kiên G.

- Buộc chị T phải nộp 1.050.000 đồng (*Một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Cẩm H về việc yêu cầu chị Võ Thị Thanh T trả số tiền còn thiếu là 21.000.000 đồng (*Hai mươi mốt triệu đồng*).

2. Buộc chị Võ Thị Thanh T có trách nhiệm trả cho chị Phạm Thị Cẩm H số tiền là 21.000.000 đồng (*Hai mươi mốt triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Hoàn trả cho chị Phạm Thị Cẩm H số tiền tạm ứng án phí là 525.000 đồng (*Năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) đã nộp theo lai thu số 0007813 ngày 01/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân H, tỉnh Kiên G.

- Buộc chị Võ Thị Thanh T phải nộp 1.050.000 đồng (*Một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng*).

Trường hợp bản án quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Báo cho chị Phạm Thị Cẩm H biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Võ Thị Thanh T có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Kiên G;*
- *VKS nhân dân huyện Tân H;*
- *Chi cục THA huyện Tân H;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Ngọc Ái